TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 312/2024/HS-PT
Ngày 16 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến .

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1570/2023/HS-PT ngày 26 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Hoàng V tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 517/2023/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: Hoàng V, sinh năm 1987 tại Thanh Hóa; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKHKTT: Số nhà 03, ngõ 115, đường Nguyễn Kh, tổ 21, phường Yên H, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số nhà 93, ngõ 57, đường Mễ Trì H1, phường Yên H, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Hoàng Công L; Con bà: Vương Thị H2; Chồng: Nguyễn Việt T; Con: Có 04 con (con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2021); Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 734 ngày 14/11/2018, Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 10 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo xin vắng mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Hoàng V:*** Luật sư Nguyễn Thị H3 – Văn phòng luật sư Ánh A thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Trong vụ án còn có các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, bị cáo không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/12/2017, Hoàng V (sinh năm 1987; trú tại số 93, ngõ 57 Mễ Trì H, phường Yên H, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội) ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần đầu tư dược phẩm S (Công ty S, có trụ sở tại tầng 11, toà nhà Hancorp, số 72 phố Trần Đăng N, phường Dịch V1, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội) kinh doanh trong lĩnh vực nhập khẩu, buôn bán các sản phẩm dược để chăm sóc sức khỏe và làm đẹp. Hoàng V được tuyển dụng với nhiệm vụ là tìm kiếm khách hàng mua sản phẩm của công ty.

Trong quá trình làm việc tại Công ty S, Hoàng V có tham gia đầu tư kinh doanh ngoại hối (forex) trên sàn Exness thông qua ứng dụng MetaTrader 4 (MT4). Tháng 7/2019, do không có tiền đầu tư kinh doanh ngoại hối, V nảy sinh ý định lấy tiền của người khác để đầu tư. Mặc dù chỉ là nhân viên kinh doanh nhưng V tự giới thiệu bản thân là Phó trưởng phòng kinh doanh của Công ty S, phụ trách bán hàng, có lượng khách hàng lớn và có khả năng phân phối, xuất kho các sản phẩm dược phẩm của Công ty S cho khách hàng để thu lợi nhuận. V kêu gọi một số người quen, là chị Lê Thị H4 (sinh năm 1986; trú tại phòng 703 FLC Star, số 418, phố Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội), chị Văn Thị Mai L1 (sinh năm 1984; trú tại tổ 2, xã Xuân Hòa, huyện Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc), chị Bùi Thị H5 (sinh năm 1990; trú tại thôn Đậu Yên, xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa), anh Nguyễn Đăng Tr (sinh năm 1991; trú tại thôn Đậu Yên, xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa), anh Nguyễn Anh T1 (sinh năm 1985; trú tại số nhà 48, đường Trần Nguyễn Hãn, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) và chị Vũ Thị Tr1 (sinh năm 1985; trú tại tập thể Cầu 11, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội), góp vốn cùng V kinh doanh dược phẩm của Công ty S và hứa hẹn nếu đầu tư góp vốn với V thì sẽ được hưởng 10% trên tổng số tiền góp vốn (nếu góp 1.000.000.000 đồng sẽ được hưởng lợi nhuận 100.000.000 đồng). Do tin tưởng V nên từ tháng 07/2019 đến cuối năm 2019, chị Lê Thị H4 chuyển tiền cho V để góp vốn thông qua hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 19030735404889 mang tên chị Lê Thị H4 mở tại Ngân hàng Techcombank đến tài khoản số 10523340966016 mang tên Hoàng V mở Ngân hàng Techcombank. Sau khi nhận được tiền của chị H4, V sử dụng để đầu tư ngoại hối và thu được lợi nhuận nên đã chuyển tiền gốc cùng lợi nhuận lại cho chị H4. Lúc này, chị H4 nghĩ V chuyển lại tiền gốc cùng lợi nhuận là tiền do kinh doanh dược phẩm của Công ty S mà có nên tin tưởng V.

Đến khoảng đầu năm 2020, do việc đầu tư ngoại hối bị thua lỗ, V muốn thu hồi lại vốn nên tiếp tục nảy sinh ý định sử dụng tiền của chị H4, chị H5, anh Tr, chị L1, anh T1 và chị Tr1 đầu tư ngoại hối. Để tạo dựng thêm lòng tin về việc kinh doanh là có thật, V tự làm giả Phiếu xuất kho dược phẩm của Công ty S với số lượng tiền lớn và giao dịch ngân hàng thể hiện việc V đã chuyển tiền đến tài khoản Ngân hàng Techcombak số 19130255981015 của chị Vũ Thị Thùy D (sinh năm 1989; trú tại xóm 2, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; là thủ quỹ của Công ty S) để xuất kho dược phẩm. Nội dung trong Phiếu xuất kho và giao dịch ngân hàng do V tự nghĩ, sau đó sử dụng máy tính cá nhân chỉnh sửa nội dung thông qua phần mềm chỉnh sửa ảnh (photoshop) rồi in thành văn bản. Tiếp đó, V giả mạo chữ ký của chị Nguyễn Thị H4 (sinh năm 1987; trú tại thôn Hậu Ái, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; là thủ kho của Công ty S) và chị Trần Thị Quỳnh Tr1 (sinh năm 1986; trú tại số nhà 11, ngõ 1002, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; là kế toán của Công ty S) để ký vào Phiếu xuất kho. Sau khi làm giả Phiếu xuất kho và giao dịch Ngân hàng, V chụp ảnh gửi cho chị H4, chị H5, anh Tr, chị L1, anh T1 và chị Tr1 để tạo lòng tin. Do tin tưởng V và những thông tin, tài liệu V đưa cung cấp là thật nên từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2020, chị H4 cùng chị H5, anh Tr, chị L1, anh T1 và chị Tr1 đã nhiều lần chuyển tiền góp vốn kinh doanh dược phẩm của Công ty S cho V thông qua 02 tài khoản số 10523340966016, 19023340966555 mở tại Ngân hàng Techcombank và tài khoản số 22010004590986 mở tại Ngân hàng BIDV (đều mang tên Hoàng V).

Sau khi chị Lê Thị H4, anh Nguyễn Anh T1, anh Nguyễn Đăng Tr, chị Vũ Thị Tr1, chị Bùi Thị H5 và chị Văn Thị Mai L1 chuyển tiền cho V, V đã chuyển lại cho mọi người một phần tiền để các bị hại tin tưởng. Số tiền còn lại, V chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Cụ thể như sau:

- Đối với chị Lê Thị H4: Từ ngày 22/7/2019 đến ngày 29/01/2021, chị H4 đã nhiều lần chuyển và nhận tiền từ tài khoản số 19030735404889 của chị H4 mở tại Ngân hàng Techcombank đến tài khoản số 10523340966016 của V mở tại Ngân hàng Techcombank. Trong đó, chị H4 chuyển tiền cho V *(504 lượt giao dịch)* tổng số tiền là 64.388.950.016 đồng. V chuyển tiền cho chị H4 *(508 lượt giao dịch)* tổng số tiền là 59.051.210.000 đồng. Tổng số tiền chị H4 bị V chiếm đoạt là 5.337.740.016 đồng.

- Đối với chị Bùi Thị H5: Từ ngày 12/7/2019 đến ngày 27/02/2021, chị H5 đã nhiều lần chuyển và nhận tiền từ tài khoản số 19036322494012 của chị H5 mở tại Ngân hàng Techcombank đến tài khoản số 10523340966016 của V mở tại Ngân hàng Techcombank. Trong đó, chị H5 chuyển tiền cho V *(96 lượt giao dịch)* tổng số tiền 18.530.100.000 đồng. V chuyển tiền cho chị H5 *(91 lượt giao dịch)* tổng số tiền là 10.861.400.000 đồng và số tiền 4.830.000.000 đồng mà V đã cam

kết trả ngày 25/12/2020. Tổng số tiền chị H5 bị V chiếm đoạt là 12.498.700.000 đồng.

- Đối với chị Vũ Thị Tr1: Từ ngày 02/3/2020 đến ngày 27/02/2021, chị Tr1 đã nhiều lần chuyển và nhận tiền từ tài khoản số 100871189077 của chị Tr1 mở tại Ngân hàng Viettinbank đến tài khoản số 10523340966016 của V mở tại Ngân hàng Techcombank. Trong đó, chị Tr1 chuyển tiền cho V *(149 lượt giao dịch)* tổng số tiền là 31.871.200.000 đồng, V chuyển tiền cho chị Tr1 *(127 lượt giao dịch)* tổng số tiền là 18.911.500.000 đồng. Tổng số tiền chị Tr1 bị V chiếm đoạt là 12.959.700.000 đồng.

- Đối với anh Nguyễn Anh T1: Từ ngày 07/11/2020 đến ngày 18/12/2020, anh T1 đã nhiều lần chuyển và nhận tiền từ tài khoản số 19028992857016 của anh T1 mở tại Ngân hàng Techcombank đến tài khoản số 10523340966016 của V mở tại Ngân hàng Techcombank. Trong đó, anh T1 chuyển tiền cho V *(07 lượt giao dịch)* tổng số tiền là 920.000.000 đồng. V chuyển tiền cho anh T1 *(06 lượt giao dịch)* tổng số tiền là 474.000.000 đồng. Tổng số tiền anh T1 bị V chiếm đoạt là 446.000.0000 đồng.

- Đối với anh Nguyễn Đăng Tr: Từ ngày 16/10/2020 đến ngày 04/01/2020, anh Tr đã nhiều lần chuyển và nhận tiền từ tài khoản số 19028068283021 của anh Tr mở tại Ngân hàng Techcombank đến tài khoản số 10523340966016 của V mở tại Ngân hàng Techcombank. Trong đó, anh Tr chuyển cho V *(93 lượt giao dịch)* tổng số tiền là 38.973.000.000 đồng, V chuyển cho anh Tr *(109 lượt giao dịch)* tổng số tiền là 31.234.980.000 đồng. Tổng số tiền anh Tr bị V chiếm đoạt là 7.738.020.000 đồng.

- Đối với chị Văn Thị Mai L1: Từ ngày 07/12/2020 đến ngày 17/12/2020, chị L1 đã nhiều lần chuyển tiền từ tài khoản số 6060118688888 của chị L1 mở tại Ngân hàng MB Bank đến tài khoản số 22010004590986 của V mở tại Ngân hàng BIDV và bị V chiếm đoạt số tiền 1.780.000.000 đồng.

Tổng số tiền V đã chiếm đoạt được của các bị hại là: 40.760.160.016 đồng (Bốn mươi tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu, một trăm sáu mươi nghìn, mười sáu đồng). Sau khi nhận tiền, V sử dụng một phần tiền của người này để trả cho người khác (cũng bằng hình thức chuyển khoản) nhằm mục đích tạo dựng thêm lòng tin về việc kinh doanh cùng V là có lợi nhuận. Số tiền còn lại, V đã sử dụng số tiền trên để đầu tư ngoại hối bằng hình thức chuyển tiền từ các tài khoản cá nhân của V đến tài khoản Ngân hàng cụ thể:

- Chuyển tổng số tiền 6.116.000.000 đồng đến tài khoản số 67855678 đứng tên Bùi Hải H6 mở tại Ngân hàng ACB.

- Chuyển tổng số tiền 1.436.000.000 đồng đến tài khoản số 19031590528017 đứng tên Bùi Văn Vạ mở tại Ngân hàng Techcombank.

- Chuyển tổng số tiền 11.601.000.000 đồng đến tài khoản số 19026894165022 đứng tên Đoàn Văn C (sinh năm 1989; trú tại thôn Bảo Lộc 1,

xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội) mở tại Ngân hàng Techcombank

- Chuyển tổng số tiền 1.123.000.000 đồng đến tài khoản số 13321519252015 đứng tên Trần Duy H7 mở tại Ngân hàng Techcombank.

- Chuyển tổng số tiền 4.678.000.000 đồng đến tài khoản số 19131558927028 đứng tên Công ty cổ phần đầu tư Vnivest mở tại Ngân hàng Techcombank.

- Chuyển tổng số tiền 21.114.000.000 đồng đến tài khoản số 398988888 đứng tên Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Vietgold mở tại Ngân hàng ACB.

- Chuyển số tiền 992.000.000 đồng từ tài khoản số 10523340966016 của V mở tại Ngân hàng Techcombank qua Công ty Cổ phần Ngân Lượng với nội dung dịch vụ: NGANLUONG JSC, Order Info: 37249327 để nạp tiền đầu tư ngoại hối.

Tổng số tiền V đã chuyển là 47.060.000.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra, V trình bày số tiền 15.537.239.984 đồng chênh lệch từ số tiền V chiếm đoạt của chị H4, anh T1, anh Tr, chị Tr1, chị H5 và chị L1 rồi chuyển đến các tài khoản đối ứng là do V vay mượn của gia đình, bạn bè để tham gia chơi tiền ảo và bị thua lỗ hết.

Tại bản Kết luận giám định số 204/GĐKTHS ngày 04/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc phòng, kết luận:

"... - Chữ ký trên dòng họ tên Nguyễn Thị H4 tại mục *"Thủ kho"* trong 118 bản in ảnh chụp Phiếu xuất kho với chữ ký của Hoàng V ký chữ ký Nguyễn Thị H4 là chữ ký của cùng một người.

- Chữ ký trên dòng họ tên Trần Thị Tr1 tại mục *"Quản trị viên*": trong 118 bản in ảnh chụp Phiếu xuất kho với chữ ký của Hoàng V ký chữ ký Trần Thị Tr1 là chữ ký của cùng một người.

- Không phát hiện thấy dấu hiệu của sự cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trên 118 bản in ảnh chụp Phiếu xuất kho do người tố giác cung cấp".

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 517/2023/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đã quyết định:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[2]. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 39; Điều 56 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hoàng V tù **Chung thân** về tội **"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản",** tổng hợp hình phạt **10 năm tù** về tội "**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"** tại Bản án hình sự phúc thẩm số 734/HSPT ngày 14/11/2018 của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là **Chung thân.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí

và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 10/10/2023 bị cáo Hoàng V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo vắng mặt nhưng đơn đề nghị của bị cáo đã thể hiện hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu là đúng, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt tù. Lý do kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là do bị cáo quá trình điều tra bị cáo tích cực khai báo để làm rõ vụ án. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo đang phải nuôi 4 con nhỏ và mới sinh con.

- Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để cung cấp cho Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình xét xử phúc thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định, hình thức nội dung đơn phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Quá trình giải quyết Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: xét kháng cáo của bị cáo thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và quyết định mức hình phạt tù "Chung thân" đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ pháp luật. Quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356-Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Về án phí : Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Tội danh và điều luật Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mới sinh con nhỏ, không có công việc ổn định, quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, giai đoạn điều tra cũng khắc phục một phần hậu quả và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị áp dụng điểm b, khoản 1, khoản 2, Điều 51-Bộ luật hình sự cho bị cáo. Tại cấp sơ thẩm Viện kiểm sát đề nghị mức án cao nhất 20 năm tù đối với bị cáo là phù hợp. Vì vậy đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo có cơ hội cải tạo, trở về với gia đình, nuôi dạy các con.

- Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội nhất trí quan điểm của người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "bị cáo khắc phục một phần hậu quả và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt" theo điểm b, khoản 1, khoản 2, Điều 51-Bộ luật hình sự cho bị cáo,. Tuy nhiên với số tiền chiếm đoạt lớn, chưa

khác phục được nên đề nghị HĐXX giữ nguyên mức hình phạt tù "Chung thân" đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bị cáo gửi trong thời hạn luật định, hình thức nội dung đơn phù hợp, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 351-Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo.

[2]Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên toà, thấy phù hợp với lời khai của chính bị cáo, người bị hại, phù hợp với vật chứng thu được, lời khai của người làm chứng phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 12/7/2019 đến ngày 27/02/2021, để có tiền ăn tiêu, trả nợ và sử dụng mục đích cá nhân. Hoàng V nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác. Mặc dù chỉ là nhân viên kinh doanh của Công ty S nhưng V tự giới thiệu với chị Lê Thị H4, chị Văn Thị Mai L1, chị Bùi Thị H5, anh Nguyễn Đăng Tr, anh Nguyễn Anh T1 và chị Vũ Thị Tr1, bản thân Hoàng V là phó phòng kinh doanh của Công ty S có khả năng phân phối, xuất kho các sản phẩm dược phẩm cho khách hàng để thu lợi nhuận. Sau đó, Hoàng V kêu gọi vốn đầu tư kinh doanh dược phẩm cùng V và hứa hẹn nếu đầu tư góp vốn sẽ được hưởng lơi nhuận 10% trên tổng số tiền góp vốn khi thực hiện thành công đơn hàng. Để tạo dựng lòng tin là việc kinh doanh có thật Hoàng V đã sử dụng máy tính cá nhân làm giả Phiếu xuất kho dược phẩm của Công ty S. Nội dung trong Phiếu xuất kho và giao dịch Ngân hàng do Hoàng V tự nghĩ, sau đó sử dụng máy tính cá nhân chỉnh sửa nội dung thông qua phần mềm chỉnh sửa ảnh (photoshop) rồi in thành văn bản. Tiếp đó, V giả mạo chữ ký của các chị Nguyễn Thị H4 và chị Trần Thị Quỳnh Tr1 và chị Vũ Thì Thuỳ D (là nhân viên thủ quý, kế toán, thủ kho của Công ty S) để ký vào Phiếu xuất kho rồi chụp lại bằng điện thoại và chuyển qua mạng xã hội Zalo cho các bị hại để những người này tin tưởng và chuyển tiền. Tổng số tiền Hoàng V đã chiếm đoạt của các bị hại là **40.837.560.000 đồng.** Cụ thể:

- Từ ngày 12/7/2019 đến ngày 27/02/2021, Hoàng V đã chiếm đoạt của chị Bùi Thị H5 số tiền 12.498.700.000 đồng.

- Từ ngày 22/7/2019 đến ngày 29/01/2021, Hoàng V đã chiếm đoạt của chị Lê Thị H4 số tiền 5.415.140.000 đồng.

- Từ ngày 02/03/2020 đến ngày 27/02/2021, Hoàng V đã chiếm đoạt của chị Vũ Hà Tr1 số tiền 12.959.700.000 đồng.

- Từ ngày 16/10/2020 đến ngày 04/01/2020, Hoàng V đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Đăng Tr số tiền 7.738.020.000 đồng.

- Từ ngày 07/11/2020 đến ngày 18/12/2020, Hoàng V đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Anh T1 số tiền 446.000.000 đồng.

- Từ ngày 07/12/2020 đến ngày 17/12/2020, Hoàng V đã chiếm đoạt của chị Văn Thị Mai L1 số tiền 1.780.000.000 đồng**.**

Như vậy với hành vi nêu trên, TAND thành phố Hà Nội đã xét xử bị cáo Hoàng V phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174-Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội hai lần trở lên" và "tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm g, điểm h, khoản 1, Điều 52- Bộ luật Hình sự như cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ.

[3.2] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải; phạm tội khi có thai, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, con nhỏ được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại các điểm n, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51-Bộ luật hình sự để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

[3.3] Tại quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên HĐXX thấy hồ sơ vụ án có thể hiện việc bị hại là chị Vũ Thị Tr1 có đơn gửi Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội về việc đã tự thỏa thuận với bị cáo Hoàng V trong vấn đề bồi thường dân sự số tiền chiếm đoạt là 12.959.700.000 đồng và đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hoàng V. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, khoản 1 và khoản 2, Điều 51-Bộ luật hình sự cho bị cáo nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng là chưa đảm bảo quyền lợi cho bị cáo. HĐXX thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ mới này cho bị cáo như đề nghị của người bào chữa và Kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ.

Mặc dù HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới cho bị cáo nhưng xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu đã bị xét xử về tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện

bản thân lại cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án tù "Chung thân" là phù hợp, có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung. Tình tiết giảm nhẹ áp dụng thêm cho bị cáo không làm thay đổi cơ bản tính chất mức độ của hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; cần giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là phù hợp.

Quan điểm đề nghị của người bào chữa về việc giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136-Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm b, khoản 2, Điều 23-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

[5]. Về quyết định khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356; điểm a, khoản 1, Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm b, khoản 2, Điều 23-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Hoàng V.

2. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm số 517/2023/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đã quyết định:

- Tuyên bố: Bị cáo Hoàng V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng: điểm a, khoản 4, Điều 174; điểm b, điểm n, điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51; điểm g, điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 39; Điều 56- Bộ luật hình sự, Xử phạt: Bị cáo Hoàng V tù **"Chung thân"** về tội **"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".** Tổng hợp hình phạt **10 năm tù** về tội "**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"** tại Bản án hình sự phúc thẩm số 734/HSPT ngày 14/11/2018 của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là tù **"Chung thân".** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Hoàng V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Công an Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Bị cáo (qua đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ong Thân Thắng